

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 8 -2024  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuận - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2024/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn N, sinh năm 1987

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Trần Văn N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh N đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đ cho đến nay chưa về Việt Nam và cũng từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân xảy ra

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, khác biệt về lối sống, không quan tâm chăm lo cho gia đình cũng như không tin tưởng nhau nên dẫn đến tình cảm không còn. Nay chị L nhận thấy hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

- *Về quan hệ con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 11/11/2019 và Trần Bảo A, sinh ngày 15/7/2022. Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung Trần Thị Bảo T, Trần Bảo A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua gia đình anh Trần Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian, địa điểm kết hôn cũng như thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Nay anh cũng nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Trần Văn N cho biết trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị L có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 11/11/2019 và Trần Bảo A, sinh ngày 15/7/2022, hiện nay anh đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên anh và chị L thống nhất giao hai con chung Trần Thị Bảo T và Trần Bảo A cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Trần Văn N cho biết hiện nay anh đang lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đ1, anh không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị tại Cộng hòa liên bang Đ và do tính chất công việc đi lại khó khăn nên anh không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án. Vì vậy, anh đề nghị giải quyết vắng mặt anh và anh ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho chị Trần Thị D (em gái); địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người tham gia tố tụng khác chị Trần Thị D trình bày: Hiện nay anh trai chị là Trần Văn N đang lao động tại nước ngoài không thể về Việt Nam để giải quyết vụ việc nên chị đồng ý nhận các tài liệu tố tụng của Tòa án gửi cho anh N, chị cam đoan sẽ thông báo cho anh N được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N

- Về con chung: Giao hai con chung Trần Thị Bảo T, sinh ngày 11/11/2019 và Trần Bảo A, sinh ngày 15/7/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn N hiện đang sinh sống, lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, tại công căn xuất nhập cảnh số 497/PA08-Đ1 ngày 03/6/2024 của Phòng Q (PA08) - Công an tỉnh H xác nhận: Anh Trần Văn N xuất cảnh gần nhất vào ngày 19/6/2022 hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N đều trình bày vì điều kiện công việc, không thể có mặt trực tiếp để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và anh N ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho chị Trần Thị D (em gái anh N); địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238, 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày ngày 19/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã lâu, giữa chị L và anh N không còn tiếng nói chung, không đồng nhất trong cuộc sống hôn nhân. Mặt khác, hiện nay anh N đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, do khoảng cách về địa lý nên mâu thuẫn giữa chị L và anh N cũng không thể hóa giải được, cuộc sống hôn nhân nhân cũng không có hạnh phúc.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị L và anh N không đạt được điều đó. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn N.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 11/11/2019 và Trần Bảo A, sinh ngày 15/7/2022, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh N được đi nước ngoài đến nay các cháu sống cùng chị L, được chị L chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, các cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, anh N hiện nay đang lao động ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị L và anh N thống nhất giao hai con chung Trần Thị Bảo T và Trần Bảo A cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và anh Trần Văn N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị L và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; các Điều 39, 464, 469, 474, 475, 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Thị Bảo T, sinh ngày 11/11/2019 và Trần Bảo A, sinh ngày 15/7/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Trần Văn N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai số 0000874 ngày 14/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thuận Lộc
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Minh Thư**